

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,
TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Ngoan.

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Hiếu-Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 31/01/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 226 đường NN, tổ 5, phường NN, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Vương Quốc T, sinh năm 1982, địa chỉ: Số 33/37 đường LL, tổ 8, phường CL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-9-2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12-3-2019, bản tự khai ngày 12-3-2019, ngày 29-3-2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vương Quốc T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND phường NN, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 03-01-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông T không có trách nhiệm với gia đình, cờ bạc, từ tháng 9 năm 2018 đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay bà thấy không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vương Quốc T.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Vương Quốc T1, sinh ngày 18-6-2002, cháu Vương Quốc T2, sinh ngày 26-10-2012, Vương Trần Minh T3, sinh ngày 31-8-2015. Hiện nay 03 cháu đang ở với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng 03 cháu T1, T2, T3 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 03 con,

mỗi tháng mỗi con 1.500.000 đồng (tại phiên tòa bà T thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 03 con, mỗi tháng mỗi con 700.000 đồng) 03 con T1, T2, T3 mỗi tháng ông T cấp dưỡng 2.100.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết xong vụ án. Hiện nay bà đang làm nghề buôn bán có thu nhập ổn định. Còn ông Vương Quốc T làm nghề lái xe cũng có thu nhập ổn định.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, và không cho ai vay mượn tài sản.

Bị đơn ông Vương Quốc T không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 97, Điều 196, Điều 203, Điều 208, Điều 211, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh T. Bà Trần Thị Minh T ly hôn ông Vương Quốc T. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Vương Quốc T1, cháu Vương Quốc T2, Vương Trần Minh T3 cho bà Trần Thị Minh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi 03 con T1, T2, T3 theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có và không cho ai vay mượn tài sản. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà T phải chịu 300.000 đồng. Ông Vương Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Vương Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Minh T và ông Vương Quốc T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND phường NN, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 03-01-2013 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình và quan điểm không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông T không có trách nhiệm với gia đình, cờ bạc, từ tháng 9 năm 2018 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Từ đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Vương Quốc T. Xét thấy lý do xin ly hôn của bà T chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Minh T, bà Trần Thị Minh T ly hôn ông Vương Quốc T.

[2] Về con chung: Có 03 con chung là cháu Vương Quốc T1, sinh ngày 18-6-2002, cháu Vương Quốc T2, sinh ngày 26-10-2012, Vương Trần Minh T3,

sinh ngày 31-8-2015. Hiện nay 03 cháu đang ở với bà T, các cháu sức khỏe tốt, bà T làm nghề buôn bán có thu nhập ổn định. Để bảo đảm quyền lợi chính đáng của 03 cháu T1, T2, T3, Hội đồng xét xử quyết định giao 03 cháu T1, T2, T3 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông T làm nghề lái xe có thu nhập ổn định, do đó ông T phải cấp dưỡng nuôi 03 con theo quy định của pháp luật, mỗi tháng mỗi con 700.000 đồng, 03 con T1, T2, T3 mỗi tháng ông T cấp dưỡng 2.100.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6-2019.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có và không cho ai vay mượn tài sản.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Trần Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Ông Vương Quốc T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Với những nhận định trên là phù hợp với ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Minh T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Minh T được ly hôn ông Vương Quốc T.

2/ Về con chung: Có 03 con chung là cháu Vương Quốc T1, sinh ngày 18-6-2002, cháu Vương Quốc T2, sinh ngày 26-10-2012, Vương Trần Minh T3, sinh ngày 31-8-2015, hiện nay 03 cháu đang ở với bà T. Giao 03 cháu T1, T2, T3 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Vương Quốc T phải cấp dưỡng nuôi 03 con, mỗi tháng mỗi con 700.000 đồng, 03 con Vương Quốc T1, Vương Quốc T2, Vương Trần Minh T3 mỗi tháng ông Vương Quốc T cấp dưỡng 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6-2019 cho đến khi 03 cháu Vương Quốc T1, Vương Quốc T2, Vương Trần Minh T3 đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có và không cho ai vay mượn tài sản.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000380 ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Ông Vương Quốc T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

6/ Về thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Minh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Vương Quốc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND P Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng